

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG HÀN

(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO	4
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY	4
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	4
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	4
3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao	7
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC	7
3.1. Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc	7
3.2. Nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn (<i>nếu có</i>)	14
IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	20
1. Phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học	20
2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh	23
V. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	25
1. Giải thích thuật ngữ	25
2. Hướng dẫn thực hiện chương trình	26

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG HÀN TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên nhằm mục đích phát triển năng khiếu của học sinh đối với môn Tiếng Hàn trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; Giúp học sinh có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; Giáo dục các em thành người có lòng yêu nước, tinh thần vượt khó, tự hào, tự tôn dân tộc; Giúp học sinh có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Bên cạnh việc tiếp thu, kế thừa thành công, ưu điểm của chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn hiện hành của Việt Nam, Chương trình môn Tiếng Hàn được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu chương trình môn học này của một số quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế (Bộ Giáo dục Hàn Quốc). Kết quả nghiên cứu đó cho phép rút ra các xu hướng chung trong xây dựng chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn để vận dụng cho Việt Nam.

Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên kế thừa, nâng cao từ nội dung chương trình môn học quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục nâng cao môn học hệ thống hoá, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng và giá trị cốt lõi của học sinh đã được học từ Chương trình giáo dục phổ thông nhằm phát triển năng khiếu của học sinh đối với từng môn chuyên. Nội dung giáo dục môn chuyên tại trường trung học phổ thông chuyên bao gồm nội dung chương trình môn học được ban hành tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao môn học.

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn dành cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu về môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; đồng thời cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo, khả năng định hướng nghề nghiệp.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại nội dung dạy học tổng thể. Cụ thể:

- Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu đó là phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm
- Hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi như năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình giáo dục nâng cao môn tiếng Hàn dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các kiến thức chuyên sâu hơn so với chương trình chuẩn về nội dung học tập; đồng thời trang bị cho người học các kiến thức về văn hóa, đất nước và con người Hàn Quốc để có hiểu biết toàn diện, phục vụ cho việc học tập và phát triển trí tuệ.

Thông qua các chuyên đề ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, học sinh có khả năng tổng hợp thông tin liên quan đến các chủ đề được học, từ đó có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hóa của Hàn Quốc; hiểu và tôn trọng sự đa dạng, sự khác biệt của các nền văn hóa, đồng thời bước đầu có thể so sánh, đối chiếu với các giá trị văn hóa của Việt Nam bằng tiếng Hàn; phát triển các phẩm chất yêu đất nước, con người, trung thực, nhân ái và có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Năng lực cần đạt đối với người học khi kết thúc chương trình Tiếng Hàn dành cho học sinh phổ thông chuyên là ở trình độ B2.1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR), được mô tả tương đương trình độ bậc 4.1 dựa trên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, và trình độ TOPIK cấp 4.1.

Bậc	Nghe	Nói	Đọc	Viết
B1.2	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày. - Có thể xác định được nội dung khái quát, ý chính của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng. - Có thể theo dõi và nắm bắt các ý chính của các chương trình phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa cho nội dung được diễn đạt rõ ràng và bằng ngôn ngữ đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan tới cuộc sống đời thường. - Có thể hướng dẫn, trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. - Có thể thể hiện quan điểm cá nhân, kể lại, trình bày, liên hệ thực tế về các nội dung liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. - Có thể xác định các thông tin chính, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết. - Có thể tóm tắt, diễn đạt lại các đoạn văn bản ngắn theo cách đơn giản, sử dụng cách dùng từ và cấu trúc từ của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân. - Có thể viết về các trải nghiệm, miêu tả sự kiện, cảm nhận và thái độ của mình trong một bài viết đơn giản, có tính liên kết. - Có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú để kiểm tra thông tin, hỏi hoặc giải thích, truyền đạt những thông tin cần thiết.
B1+	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể theo dõi và xác định được nội dung cụ thể của các hội thoại hoặc độc thoại mở rộng liên quan đến các chủ điểm trong chương trình nếu lời nói được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực. - Có thể xác định được những ý chính của những đoạn thảo luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hỏi-đáp, trao đổi, thảo luận về các nội dung quen thuộc. - Có thể giao tiếp, tương tác với đối phương, thể hiện quan điểm lập luận của mình một cách rõ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể xác định nội dung khái quát và chi tiết các văn bản sử dụng hằng ngày, các văn bản về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực quan tâm của mình. - Có thể xác định mạch lập luận và những kết luận chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể viết mô tả chi tiết về một trải nghiệm của bản thân bao gồm cảm xúc và thái độ của mình. - Có thể viết những bài luận đơn giản, ngắn gọn về các chủ đề thuộc mối quan tâm

	<p>dài khi ngôn bản được nói rõ ràng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể theo dõi được các ý chính trong các chương trình phát thanh và truyền hình về các đề tài quen thuộc và được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng. 	<p>ràng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng mô tả, kể lại, trình bày, liên hệ thực tế về các nội dung và chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực bản thân quan tâm. 	<p>trong các văn bản nghị luận một cách rõ ràng về một quan điểm nào đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể đối chiếu các đoạn thông tin ngắn từ một số nguồn và viết tóm tắt nội dung. 	<p>cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể viết những báo cáo ngắn gọn với định dạng chuẩn, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những thông tin đưa ra.
B2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể xác định được phần lớn nội dung các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng. - Có thể theo dõi và xác định được các ý chính trong các bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp. - Có thể hiểu các thông báo, văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật. Xác định được quan điểm và thái độ của người nói cũng như nội dung thông tin được phát ngôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể giao tiếp khá lưu loát, tự nhiên. Có thể diễn đạt, trình bày quan điểm thông qua kinh nghiệm cá nhân, lí giải và duy trì quan điểm một cách rõ ràng với những lập luận và minh chứng liên quan. - Có thể sử dụng ngôn ngữ thành thạo, vận dụng tốt cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt phù hợp với hoàn cảnh. - Có thể diễn tả, mô tả, trình bày về các chủ đề chung, các chủ đề về văn hóa, giải trí, nghề nghiệp, học tập và xã hội, tạo ra mối liên kết giữa các ý 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề xã hội, thời sự, trong đó tác giả thể hiện lập trường hoặc quan điểm cụ thể. - Có thể đọc lướt nhanh các văn bản dài và phức tạp để định vị được các thông tin hữu ích. - Có thể hiểu và làm theo các bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình. - Có thể tóm tắt nhiều loại văn bản, đoạn trích, tài liệu có bao hàm ý kiến, lập luận và thảo luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, thể hiện được mối liên hệ giữa các ý trong một bài viết có liên kết chặt chẽ theo cách hành văn cho thể loại có liên quan. - Có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống và có những minh họa phù hợp. - Có thể đưa ra các ý kiến tranh luận khác nhau, nêu lý do về quan điểm đó và nêu các giải pháp, đề xuất của cá nhân cho các vấn đề tranh luận đó bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với thực tế.

		một cách rõ ràng.		
--	--	-------------------	--	--

3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn được triển khai với thời lượng **210 tiết** cho ba năm học trung học phổ thông.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn gồm nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc (**180 tiết**) và nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn (**30 tiết**). Cụ thể:

3.1. Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc

1. Mạch nội dung nâng cao

Chuyên đề 1: Nghe hiểu (**14 tiết**)

Chuyên đề 2: Đọc hiểu (**14 tiết**)

Chuyên đề 3: Nói tương tác (**9 tiết**)

Chuyên đề 4: Nói độc thoại (**9 tiết**)

Chuyên đề 5: Viết (**14 tiết**)

2. Nội dung các chuyên đề

Chuyên đề 1: Nghe hiểu

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	- Xác định được nội dung khái quát, ý chính của các đoạn độc thoại hoặc hội thoại có độ dài khoảng 350-400 chữ trong phạm vi vốn từ và ngữ pháp đã học, có mở rộng không quá 20%, trong các ngữ cảnh đa dạng, khác với các ngữ cảnh trong chương trình chuẩn.	Sinh hoạt trong gia đình, sinh hoạt ở trường học, quan hệ gia đình và bạn bè...	

2	- Xác định được nội dung bài giảng hay các cuộc thảo luận ngắn có liên quan đến nội dung mà cá nhân quan tâm. - Xác định được ý chính các chương trình phát thanh và truyền hình có liên quan đến các chủ đề, chủ điểm mà cá nhân quan tâm trong phạm vi chương trình.	Dịch vụ công cộng, bệnh viện, ngân hàng, dịch vụ sửa chữa bảo hành...	
3	- Xác định được ý chính trong nội dung bài nghe về các đề tài quen thuộc và phù hợp với trình độ về từ vựng, nội dung, ngữ điệu, phong cách trình bày.	Hoạt động giải trí, du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa...	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	- Xác định được nội dung cụ thể các đoạn độc thoại hoặc hội thoại có độ dài khoảng 350-400 chữ trong phạm vi vốn từ và ngữ pháp đã học, có mở rộng không quá 20%, trong các ngữ cảnh đa dạng, khác với các ngữ cảnh trong chương trình chuẩn.	Thời tiết, khí hậu, bảo vệ môi trường, ô nhiễm môi trường...	
5	- Suy luận được nội dung của các đoạn hội thoại hay lời độc thoại diễn ra trong đời sống hàng ngày thông qua thái độ, biểu cảm, ngữ điệu... của người nói.	Công nghệ thông tin và cuộc sống tương lai...	
6	- Xác định được nội dung chính và nội dung chi tiết trong các cuộc hội thoại liên quan đến các chủ điểm trong chương trình. - Xác định được nội dung bài nghe bằng giọng chuẩn với những nội dung quen thuộc.	Hoạt động tình nguyện, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam và Hàn Quốc...	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	- Xác định được nội dung cụ thể các đoạn độc thoại hoặc hội thoại có độ dài khoảng 450-550 chữ trong phạm vi vốn từ và ngữ pháp đã học, có mở rộng không quá 20%, trong các ngữ cảnh đa dạng, khác với các ngữ cảnh trong chương trình chuẩn.	Ước mơ, kế hoạch tương lai, định hướng nghề nghiệp...	
8	- Xác định được ý chính của các bài nói trực tiếp hoặc nội dung thu âm về các	Các vấn đề xã hội như tắc nghẽn giao thông, thất nghiệp, già hóa dân số, giảm tỉ lệ sinh,	

	chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp.	tội phạm...	
9	- Xác định được phần lớn nội dung nghe về chủ đề cá nhân quan tâm nếu được nói bằng giọng chuẩn rõ ràng.	Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, phong tục lễ tết truyền thống, trò chơi dân gian...	

Chuyên đề 2: Đọc hiểu

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	- Xác định được nội dung khái quát, ý chính của các văn bản với thể loại đa dạng, có độ dài khoảng 500-600 chữ. Đoạn văn có số lượng từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung không quá 20% khó hơn so với chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.	Sinh hoạt trong gia đình, sinh hoạt ở trường học, quan hệ gia đình và bạn bè...	
2	- Xác định nội dung của các văn bản dài vừa phải về các chủ đề quen thuộc mang tính thời sự. - Xác định được nội dung chính và nội dung chi tiết các bài báo, các bản tin có chủ đề hay nội dung sự kiện mang tính thời sự. - Xác định nhanh được nội dung của các văn bản đơn giản, có tính thực tế liên quan đến các chủ đề trong chương trình học trên các tạp chí, tài liệu quảng cáo hoặc trên một trang web và tìm ra được thông tin chính.	Dịch vụ công cộng, bệnh viện, ngân hàng, dịch vụ sửa chữa bảo hành...	
3	- Có thể tóm tắt lại các đoạn văn bản ngắn theo cách đơn giản, sử dụng cách dùng từ và cấu trúc từ của văn bản gốc.	Hoạt động giải trí, du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa...	

LỚP 11 - BẬC B1+			
4	<p>- Xác định được nội dung khái quát, nội dung chi tiết các văn bản với thể loại đa dạng, có độ dài khoảng 550~650 chữ. Đoạn văn có số lượng từ vựng (bao gồm cả từ tượng thanh (의성어), từ tượng hình (의태어) được sử dụng ở mức độ phổ biến), ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung không quá 20% khó hơn so với chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.</p> <p>- Có thể tóm tắt lại nội dung chính của các văn bản như thư từ, thông báo, các bài báo ngắn.</p> <p>- Có thể xác định những kết luận chính trong các văn bản lập luận một cách rõ ràng về một quan điểm nào đó.</p>	Thời tiết, khí hậu, bảo vệ môi trường, ô nhiễm môi trường...	
5		Công nghệ thông tin và cuộc sống tương lai...	
6		Hoạt động tình nguyện, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam và Hàn Quốc...	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	<p>- Xác định được nội dung khái quát, nội dung chi tiết các văn bản với thể loại đa dạng, có độ dài khoảng 650~750 chữ. Đoạn văn có số lượng từ vựng (bao gồm thành ngữ, tục ngữ), ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung không quá 20% khó hơn so với chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.</p> <p>- Có thể tóm tắt các bài báo liên quan đến các vấn đề thời sự trong đó tác giả thể hiện lập trường hoặc quan điểm cụ thể.</p>	Ước mơ, kế hoạch tương lai, định hướng nghề nghiệp...	
8		Các vấn đề xã hội như tắc nghẽn giao thông, thất nghiệp, già hóa dân số, giảm tỉ lệ sinh, tội phạm...	
9		Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, phong tục lễ tết truyền thống, trò chơi dân gian...	

Chuyên đề 3: Nói tương tác

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	<ul style="list-style-type: none">- Có thể hỏi - đáp, trao đổi, thảo luận về các nội dung liên quan đến các chủ điểm trong chương trình.- Có thể đưa ra những chỉ dẫn, hướng dẫn chi tiết cho đối phương trong các tình huống giao tiếp hàng ngày khi đối phương cần sự trợ giúp.- Có thể tham gia hội thoại về những chủ đề quen thuộc trong chương trình mà không cần chuẩn bị trước.- Có thể giao tiếp một cách tự tin ở một mức độ nào đó về các sự việc quen thuộc đời thường.	Sinh hoạt trong gia đình, sinh hoạt ở trường học, quan hệ gia đình và bạn bè...	
2		Dịch vụ công cộng, bệnh viện, ngân hàng, dịch vụ sửa chữa bảo hành...	
3		Hoạt động giải trí, du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa...	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	<ul style="list-style-type: none">- Có thể hỏi - đáp, trao đổi, thảo luận về các nội dung liên quan đến các chủ điểm trong chương trình.- Có thể giao tiếp, tương tác với đối phương về các chủ đề có trong chương trình, thể hiện quan điểm của bản thân và diễn đạt, bày tỏ cảm xúc đối với nội dung hội thoại.- Có thể tham gia vào hội thoại dài về các chủ đề có trong chương trình.	Thời tiết, khí hậu, bảo vệ môi trường, ô nhiễm môi trường...	
5		Công nghệ thông tin và cuộc sống tương lai...	
6		Hoạt động tình nguyện, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam và Hàn Quốc...	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	<ul style="list-style-type: none">- Có thể hỏi - đáp, trao đổi, thảo luận về các nội dung liên quan đến các chủ điểm trong chương trình.	Ước mơ, kế hoạch tương lai, định hướng nghề nghiệp...	

8	- Có thể trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, có tính liên kết các ý tưởng trong bài nói. Có thể sử dụng các phong cách nói ở mức độ phù hợp với tình huống, nói trôi chảy, lưu loát, có thể vận dụng đa dạng nhiều cấu trúc ngữ pháp một cách linh hoạt trong giao tiếp.	Các vấn đề xã hội như tắc nghẽn giao thông, thất nghiệp, già hóa dân số, giảm tỉ lệ sinh, tội phạm...	
9	- Có thể sử dụng vốn từ vựng đa dạng để diễn đạt cảm xúc của cá nhân	Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, phong tục lễ tết truyền thống, trò chơi dân gian...	

Chuyên đề 4: Nói độc thoại

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	- Có thể mô tả, trình bày về các nội dung liên quan đến chủ điểm trong chương trình, trình bày đơn giản có chuẩn bị trước về chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm của bản thân, bao gồm: miêu tả về cuộc sống gia đình, bạn bè, trường học; trình bày về các dịch vụ công cộng, bệnh viện, ngân hàng, dịch vụ sửa chữa...; giới thiệu về các hoạt động giải trí, thăm quan du lịch, giới thiệu đơn giản về các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa.	Sinh hoạt trong gia đình, sinh hoạt ở trường học, quan hệ gia đình và bạn bè...	
2	- Vận dụng thành thạo qui tắc đồng hóa (동화), chuyển đổi phụ âm cuối về phụ âm đại diện (대표음) để thực hiện việc nối âm và phát âm chính xác	Dịch vụ công cộng, bệnh viện, ngân hàng, dịch vụ sửa chữa bảo hành...	
3		Hoạt động giải trí, du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa...	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	- Có thể trình bày về mối liên hệ, ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu đối với các hoạt động trong cuộc sống, vấn đề bảo vệ môi trường và ô nhiễm môi trường.	Thời tiết, khí hậu, bảo vệ môi trường, ô nhiễm môi trường...	

5	- Có thể trình bày hiểu biết cơ bản của cá nhân về công nghệ thông tin và vai trò, ảnh hưởng của công nghệ thông tin tới cuộc sống tương lai.	Công nghệ thông tin và cuộc sống tương lai...	
6	- Có thể Trình bày hiểu biết cơ bản của cá nhân về các tổ chức quốc tế ở Việt Nam và Hàn Quốc, kể lại kinh nghiệm, suy nghĩ của bản thân về hoạt động tình nguyện. - Ngữ âm: phân biệt và vận dụng thành thạo qui tắc âm mũi hóa (비음화), âm tron hóa (유음화), âm căng hóa (경음화) để phát âm chính xác.	Hoạt động tình nguyện, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam và Hàn Quốc...	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	- Có khả năng diễn đạt, trình bày, liên hệ thực tế về các nội dung liên quan đến các chủ điểm trong chương trình. - Có thể trình bày và mô tả rõ ràng, hệ thống về một vấn đề nào đó. Các thông tin chi tiết liên quan đến các luận điểm hoặc các luận cứ của sự việc được nhấn mạnh một cách phù hợp.	Ước mơ, kế hoạch tương lai, định hướng nghề nghiệp...	
8	- Ngữ âm: hiểu và vận dụng được hiện tượng âm căng hóa (không thường trực) (수의적 경음화), hiểu được sắc thái ngôn ngữ thông qua ngữ điệu (억양), độ dài ngắn (장단) và độ mạnh yếu (강약) của nguyên âm, hiểu được	Các vấn đề xã hội như tắc nghẽn giao thông, thất nghiệp, già hóa dân số, giảm tỉ lệ sinh, tội phạm...	
9	hiện tượng điều hòa nguyên âm trong các từ tượng thanh, tượng hình. - Có thể trình bày bài thuyết trình một cách rõ ràng và hệ thống, biết nhấn mạnh nội dung chính và lí giải cho nội dung chính.	Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, phong tục lễ tết truyền thống, trò chơi dân gian...	

Chuyên đề 5: Viết

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	<p>- Có thể viết theo gợi ý văn bản với độ dài 300~400 chữ. Đoạn văn có số lượng từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung không quá 20% khó hơn so với chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.</p> <p>- Có thể viết đoạn văn ngắn, thư cá nhân, viết các ghi chú để trao đổi thông tin cần thiết.</p> <p>- Có thể miêu tả về trải nghiệm, diễn đạt cảm nhận và thái độ của bản thân trong một bài viết đơn giản, có tính liên kết.</p>	Sinh hoạt trong gia đình, sinh hoạt ở trường học, quan hệ gia đình và bạn bè...	
2		Dịch vụ công cộng, bệnh viện, ngân hàng, dịch vụ sửa chữa bảo hành...	
3		Hoạt động giải trí, du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa...	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	<p>- Có thể viết theo gợi ý văn bản với độ dài 400~500 chữ. Đoạn văn có số lượng từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung không quá 20% khó hơn so với chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.</p> <p>- Có thể viết những bài luận đơn giản, ngắn gọn, trình bày quan điểm của bản thân về các chủ điểm có trong chương trình.</p> <p>- Có khả năng vận dụng các từ tượng thanh (의성어), từ tượng hình (의태어) được sử dụng ở mức độ phổ biến trong bài viết.</p> <p>- Có thể miêu tả biểu đồ, trình bày kết quả thống kê, khảo sát ở mức độ đơn giản.</p> <p>- Có thể mô tả chi tiết về một trải nghiệm của bản thân bao gồm cảm xúc và</p>	Thời tiết, khí hậu, bảo vệ môi trường, ô nhiễm môi trường...	
5		Công nghệ thông tin và cuộc sống tương lai...	
6		Hoạt động tình nguyện, các tổ chức quốc tế ở Việt Nam và Hàn Quốc...	

	thái độ.		
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	- Có thể viết theo gợi ý văn bản với độ dài 500~600 chữ. Đoạn văn có số lượng từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung không quá 20% khó hơn so với chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.	Ước mơ, kế hoạch tương lai, định hướng nghề nghiệp...	
8	- Có thể vận dụng các thành ngữ, tục ngữ cơ bản, quen thuộc trong bài viết. - Có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp. - Có thể viết giới thiệu bản thân, điền các loại đơn từ, biểu mẫu thông dụng	Các vấn đề xã hội như tắc nghẽn giao thông, thất nghiệp, già hóa dân số, giảm tỉ lệ sinh, tội phạm...	
9	- Có thể trình bày các ý kiến khác nhau và đề xuất giải pháp cho các vấn đề tranh luận bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với thực tế. - Có thể miêu tả rõ ràng về sự kiện hay những trải nghiệm, đảm bảo tính liên kết chặt chẽ theo đặc trưng của thể loại văn bản tương ứng.	Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, phong tục lễ tết truyền thống, trò chơi dân gian...	

3.2. Nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn (nếu có)

1. Mạch nội dung nâng cao

Tên các chuyên đề dạy học

Chuyên đề 1: Văn hóa (12 tiết)

Chuyên đề 2: Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn cơ bản (12 tiết)

Chuyên đề 3: Kỹ năng làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn (12 tiết)

2. Nội dung các chuyên đề

Chuyên đề 1: Văn hóa

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	- Xác định được các thông tin về những chủ đề văn hóa được giới thiệu trong chuyên đề	Đặc điểm tính cách của người Hàn Quốc và nghề nghiệp yêu thích	
2	- Phát hiện được những điểm đặc trưng, tương đồng, khác biệt và liên hệ được với thực tế ở Việt Nam. - Có khả năng thu thập thông tin, khai thác dữ liệu và trình bày những nội dung liên quan đến chủ đề văn hóa được giới thiệu trong chuyên đề.	Các hoạt động giải trí yêu thích của người Hàn Quốc và danh lam thắng cảnh nổi tiếng	
3		Văn hóa giao tiếp, văn hóa email và tin nhắn điện thoại của người Hàn Quốc	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	- Xác định được các thông tin về những chủ đề văn hóa được giới thiệu trong chuyên đề	Thời tiết khí hậu đặc trưng và bảo vệ môi trường ở Hàn Quốc	

5	- Phân biệt được những đặc trưng, điểm tương đồng, khác biệt và liên hệ được với thực tế ở Việt Nam.	Nhà ở của người Hàn Quốc	
6	- Có khả năng thu thập thông tin, khai thác dữ liệu và trình bày những nội dung liên quan đến chủ đề văn hóa được giới thiệu trong chuyên đề.	Các lễ hội truyền thống của Hàn Quốc	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	- Xác định được các thông tin về những chủ đề văn hóa được giới thiệu trong chuyên đề	Lịch sử và sự phát triển của Hàn Quốc	
8	- Phân tích và so sánh được những đặc trưng, điểm tích cực, hạn chế và liên hệ được với thực tế ở Việt Nam.	Chế độ giáo dục ở Hàn Quốc	
9	- Có khả năng thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, trình bày và giải thích những nội dung liên quan đến chủ đề văn hóa được giới thiệu trong chuyên đề.	Các cơ quan chính phủ, bộ ngành ở Hàn Quốc	

Chuyên đề 2: Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn cơ bản

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			
1	- Hiểu được khái niệm, tầm quan trọng của thuyết trình và kỹ năng thuyết trình. - Hiểu rõ các bước tiến hành bài thuyết trình và những kỹ năng cơ bản để thuyết trình hiệu quả (tác phong, biểu cảm, ngôn từ...)	Thuyết trình: những vấn đề cơ bản	
2	- Hiểu rõ các bước lập kế hoạch thuyết trình, thu thập tài liệu phục vụ bài thuyết trình.	Kỹ năng lập kế hoạch thuyết trình và thu thập tài liệu thuyết trình	

3	<ul style="list-style-type: none">- Hiểu rõ cấu trúc và các bước để thiết kế bài thuyết trình- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để lập kế hoạch, thu thập tài liệu và thiết kế bài thuyết trình hoàn chỉnh.	Kĩ năng thiết kế bài thuyết trình	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	<ul style="list-style-type: none">- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để lập kế hoạch, thu thập tài liệu, thiết kế bài thuyết trình hoàn chỉnh và thực hành thuyết trình về các chủ đề gợi ý như sau:+ Giới thiệu địa danh du lịch Hàn Quốc, Việt Nam.+ Hoạt động chăm sóc sức khỏe của người Hàn Quốc, người Việt Nam.+ Hoạt động giải trí yêu thích của người Hàn Quốc, người Việt Nam.	Thực hành thuyết trình 1: Du lịch và địa danh	
5		Thực hành thuyết trình 2: Sức khỏe và đời sống	
6		Thực hành thuyết trình 3: Hoạt động giải trí	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
7	<ul style="list-style-type: none">- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để lập kế hoạch, thu thập tài liệu, thiết kế bài thuyết trình hoàn chỉnh và thực hành thuyết trình về các chủ đề gợi ý như sau:+ Bảo vệ môi trường ở Hàn Quốc, Việt Nam.+ Nghề nghiệp yêu thích ở Hàn Quốc, Việt Nam.+ Lễ hội phổ biến ở Hàn Quốc, Việt Nam	Thực hành thuyết trình 4: Môi trường và khí hậu	
8		Thực hành thuyết trình 5: Nghề nghiệp	
9		Thực hành thuyết trình 6: Lễ hội	

Chuyên đề 3: Kỹ năng làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn

TT	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Ghi chú
LỚP 10 - BẬC B1.2			

1	- Nhận biết được mục đích, ý nghĩa và cấu trúc của các bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn.	Tìm hiểu các bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn	
2	- Hiểu rõ các dạng thức câu hỏi phổ biến trong bài thi Đọc hiểu, Nghe hiểu, Viết ở trình độ bậc 3	Kĩ năng làm bài thi Đọc hiểu, Nghe hiểu	
3	- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi Đọc hiểu, Nghe hiểu, Viết thuộc các dạng thức phổ biến ở trình độ bậc 3	Kĩ năng làm bài thi Viết	
LỚP 11 - BẬC B1+			
4	- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời thành thạo các câu hỏi Đọc hiểu, Nghe hiểu, Viết thuộc các dạng thức phổ biến ở trình độ bậc 3 - Hiểu rõ các dạng thức câu hỏi đặc thù trong bài thi Đọc hiểu, Nghe hiểu, Viết ở trình độ bậc 3	Kĩ năng làm bài thi Đọc hiểu, Nghe hiểu	
5	- Hiểu rõ các dạng thức câu hỏi phổ biến trong bài thi Nói ở trình độ bậc 3 - Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trong bài thi Nói ở trình độ bậc 3	Kĩ năng làm bài thi Viết, Nói	
LỚP 12 - BẬC B2.1			
6	- Vận dụng kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi Đọc hiểu, Nghe hiểu, Viết, Nói ở trình độ bậc 4.	Kĩ năng làm bài thi Đọc hiểu, Nghe hiểu	
7	- Phân biệt được các bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn khác nhau và vận dụng kiến thức đã học phù hợp với từng bài thi.	Kĩ năng làm bài thi Viết, Nói	

IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học

1.1. Phương pháp, hình thức dạy học

Phương pháp, hình thức dạy học cho chương trình chuyên được thực hiện theo quan điểm dạy học chung của bộ môn ngoại ngữ ở phổ thông. Đó là tuân thủ theo hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, lấy người học làm trung tâm, khai thác triệt để các tình huống thực tế, chú trọng nguyên tắc lặp lại và mở rộng từ đó giúp học sinh có thể phát huy cao độ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; hình thành ở học sinh phương pháp và nhu cầu tự học, tạo niềm vui, hứng thú trong học tập.

1.1.1. Nguyên tắc chủ đạo của phương pháp giảng dạy theo định hướng ngôn ngữ giao tiếp

- Tập trung vào hoạt động giao tiếp thực trong quá trình học ngôn ngữ
- Cung cấp cho người học cơ hội thử nghiệm và sử dụng những kiến thức đã biết một cách chủ động, tích cực và sáng tạo.
- Tích hợp các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết giống như trong giao tiếp thực tế
- Người học được tiếp xúc với nhiều tình huống giao tiếp để khám phá kiến thức ngữ pháp
- Kết hợp nhiều phương pháp kỹ thuật dạy học
- Phát huy tính chủ động sáng tạo, năng lực tự học ở người học

1.1.2. Một số phương pháp giáo dục đặc thù cho đối tượng người học

*** Phương pháp giao tiếp**

- Mục tiêu: Phát triển kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả trong các tình huống thực tế.

- Đặc điểm: Tập trung vào sự tương tác giữa học sinh và giáo viên, học sinh và học sinh, sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện để giao tiếp, không chỉ là đối tượng học tập.

- Ứng dụng: Sử dụng các hoạt động như đối thoại, thảo luận nhóm, đóng vai, mô phỏng các tình huống giao tiếp thực tế.

*** Phương pháp dạy học hợp tác**

- Mục tiêu: Tăng cường sự hợp tác giữa các học sinh thông qua việc chia sẻ và học hỏi lẫn nhau, thông qua đó giúp phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và hợp tác giữa các học sinh.

- Đặc điểm: Các nhóm nhỏ học sinh làm việc cùng nhau để giải quyết các bài tập hoặc dự án, từ đó giúp phát triển cả kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng mềm.

- Ứng dụng: Thảo luận nhóm, làm dự án chung, đóng vai, tổ chức các hoạt động nhóm.

* Phương pháp dạy học qua dự án

- Mục tiêu: Khuyến khích học sinh làm việc theo nhóm để hoàn thành một dự án dài hạn, từ đó phát triển cả kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng mềm.

- Đặc điểm:

+ Học sinh tự lựa chọn chủ đề dự án dựa trên sở thích cá nhân.

+ Quá trình làm việc nhóm giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, và tư duy phản biện.

- Ứng dụng: Học sinh thực hiện các dự án xây dựng sổ tay từ vựng, ngữ pháp...

* Phương pháp dạy học tích hợp

- Mục tiêu: Liên kết kiến thức ngôn ngữ với các lĩnh vực khác như văn hóa, lịch sử, địa lý, nghệ thuật để làm phong phú thêm nội dung học tập.

- Đặc điểm: Kết hợp các kiến thức liên ngành, giúp học sinh thấy được mối liên hệ giữa ngôn ngữ và các lĩnh vực khác.

- Ứng dụng: Đưa vào bài học các chủ đề liên quan đến văn hóa, phong tục, truyền thống của các quốc gia nói tiếng ngoại ngữ đang học.

1.1.3 Vai trò của giáo viên

* Người hướng dẫn (Facilitator)

Giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn hướng dẫn học sinh cách học, giúp họ phát triển các kỹ năng tự học và tự quản lý quá trình học tập. Giáo viên tổ chức và thiết kế các hoạt động học tập sao cho phù hợp với nhu cầu và trình độ của từng học sinh, tạo ra môi trường học tập năng động và tích cực.

* Người truyền cảm hứng (Motivator):

Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc tạo động lực học tập cho học sinh, khơi dậy niềm đam mê và hứng thú với môn học thông qua các hoạt động hấp dẫn và phù hợp. Việc kết hợp giữa giảng dạy ngôn ngữ và các yếu tố văn hóa, xã hội giúp học sinh thấy được tầm quan trọng và tính ứng dụng của ngoại ngữ trong cuộc sống thực tế.

* Người đánh giá và phản hồi (Evaluator and Feedback Provider):

Giáo viên đánh giá tiến bộ của học sinh thông qua các bài kiểm tra, đánh giá liên tục và đưa ra phản hồi kịp thời, giúp học sinh nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu của mình để cải thiện. Phản hồi của giáo viên không chỉ dừng lại ở kết quả học tập mà còn bao gồm các kỹ năng giao tiếp, thái độ học tập và sự tự tin khi sử dụng ngôn ngữ.

* Người thiết kế chương trình (Curriculum Designer):

Giáo viên tham gia vào việc thiết kế hoặc điều chỉnh chương trình giảng dạy sao cho phù hợp với mục tiêu học tập và nhu cầu của học sinh và lựa chọn các tài liệu giảng dạy phù hợp, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại và sử dụng công nghệ để nâng cao chất lượng dạy học.

1.1.4 Vai trò của học sinh

* Người học chủ động (Active Learner):

Học sinh cần chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập, từ việc làm bài tập, tham gia thảo luận, đến việc tự học và tìm hiểu thêm về ngôn ngữ. Sự chủ động này giúp học sinh phát triển kỹ năng tự học, quản lý thời gian và khả năng tư duy độc lập.

* Người học tự định hướng (Self-Directed Learner):

Học sinh cần biết cách tự đặt ra mục tiêu học tập cho bản thân và xây dựng kế hoạch để đạt được mục tiêu đó. Việc tự định hướng học tập không chỉ giúp học sinh tiến bộ nhanh chóng mà còn phát triển khả năng học suốt đời.

* Người cộng tác (Collaborator):

Học sinh cần hợp tác với bạn bè và giáo viên trong quá trình học tập, chia sẻ kiến thức và hỗ trợ lẫn nhau để cùng tiến bộ. Sự hợp tác này không chỉ phát triển kỹ năng làm việc nhóm mà còn tăng cường khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế.

* Người đánh giá bản thân (Self-Evaluator):

Học sinh cần tự đánh giá tiến độ học tập của mình, nhận thức được những gì đã học được và những gì cần cải thiện. Việc tự đánh giá giúp học sinh có cái nhìn chính xác về năng lực của mình và điều chỉnh chiến lược học tập khi cần thiết.

* Người sáng tạo (Creator):

Học sinh cần vận dụng những gì đã học để tạo ra các sản phẩm ngôn ngữ như bài viết, bài nói, hay các dự án học tập. Sự sáng tạo trong học tập giúp học sinh cảm thấy hứng thú hơn và có thể áp dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt trong nhiều ngữ cảnh khác

nhau.

1.2. Phương tiện dạy học

Đảm bảo đủ các phương tiện dạy học trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu mà Bộ GDĐT đã ban hành. Việc sử dụng các phương tiện dạy học cần được thực hiện theo hướng tổ chức cho giáo viên và học sinh khai thác tri thức, tìm tòi, khám phá các kiến thức cần có từ các phương tiện, thiết bị dạy học; đồng thời, hướng dẫn, tổ chức để giáo viên và học sinh có thể xây dựng các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập.

2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh phải tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Cụ thể:

- Việc đánh giá được thực hiện theo các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao; trong đó, cần tăng cường nhiều hơn việc đánh giá theo các mức độ vận dụng, vận dụng cao; yêu cầu, tạo điều kiện và khuyến khích học sinh giải quyết vấn đề và sáng tạo trong học tập; nội dung đánh giá thường xuyên theo các chuyên đề nâng cao;

- Nội dung đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã được quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Hàn, giáo viên cần dựa vào các yêu cầu cần đạt đã quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Hàn quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao (phần nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc) dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên để đánh giá kết quả học tập của học sinh.

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá toàn diện cả quá trình học tập của học sinh, bao gồm kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

2.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã được quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Hàn. GV cần dựa vào các yêu cầu cần đạt đã quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Hàn quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao (phần nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc) dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên để đánh giá kết quả học tập của học sinh.

2.3. Nguyên tắc đánh giá

Đánh giá cần đảm bảo tính toàn diện, khách quan, chính xác, bám sát nội dung chương trình và chuẩn kỹ năng, chuẩn kiến thức, định hướng năng lực đầu ra của từng cấp lớp. Các loại hình đánh giá phải quen thuộc với học sinh và thường được sử dụng trong quá trình dạy và học.

2.4. Hình thức đánh giá

Cần đa dạng hoá các hình thức đánh giá: đánh giá thông qua bài viết; đánh giá thông qua vấn đáp, thuyết trình, đánh giá thông qua quan sát, đánh giá thông qua bài tập dự án (cá nhân hoặc theo nhóm). Tạo điều kiện để học sinh tham gia vào việc đánh giá kết quả học tập (HS đánh giá kết quả học tập của bạn, tự đánh giá kết quả học tập của mình).

* Đánh giá thường xuyên: Khai thác các hoạt động quen thuộc trong và ngoài lớp học nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của người học và điều chỉnh phương thức giảng dạy khi cần thiết.

- Yêu cầu: Mỗi học sinh cần có ít nhất 04 điểm đánh giá thường xuyên mỗi học kỳ.

- Phương pháp: Đánh giá thông qua các hoạt động hỏi – đáp, bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm, bài thực hành...

* Đánh giá định kỳ: Tập trung vào các bài viết, vấn đáp và các loại hình đánh giá khác nhằm xác định mức hoàn thành của sinh viên theo các yêu cầu cần đạt ở từng bậc năng lực trong Chương trình.

- Yêu cầu: Mỗi học sinh cần có ít nhất 02 điểm đánh giá định kỳ mỗi học kỳ, bao gồm 01 điểm giữa kỳ và 01 điểm cuối kỳ.

- Phương pháp: Các bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ bao gồm cả phần tự luận và trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, dự án học tập, bài thuyết trình, bài báo cáo chuyên đề, đánh giá thông qua quan sát ... với nội dung bài kiểm tra đánh giá tương thích với phương pháp dạy và học được áp dụng trong chương trình. Lưu ý, bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan chiếm khoảng 70 - 75%, tự luận chiếm khoảng 25 - 30%.

2.5. Mức độ đánh giá kết quả rèn luyện và học tập

Mức độ đánh giá: Kết quả rèn luyện và học tập của học sinh được đánh giá theo một trong bốn mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

Yêu cầu: Đánh giá kết quả phải công bằng, minh bạch, dựa trên các tiêu chí rõ ràng và phù hợp với năng lực của từng học sinh.

V. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

TT	Thuật ngữ	Giải thích
1	Năng lực	<i>Năng lực</i> là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.
2	Phẩm chất	<i>Phẩm chất</i> là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với năng lực tạo nên nhân cách con người.
3	Yêu cầu cần đạt	<i>Yêu cầu cần đạt</i> là kết quả mà học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và hoạt động giáo dục; trong đó, mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu riêng cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó.
4	Chuyên đề	<i>Chuyên đề</i> là các môn học được thiết kế trong chương trình, bao gồm: - <i>Chuyên đề bắt buộc</i> là các môn học có nội dung nâng cao so với chương trình chuẩn và áp dụng chung cho tất cả các đối tượng học sinh trường chuyên - <i>Chuyên đề tự chọn</i> là các môn học không bắt buộc, cho phép nhà trường được lựa chọn tùy theo nhu cầu của học sinh và điều kiện tổ chức giảng dạy thực tế.
5	Nội dung	<i>Nội dung</i> là các chủ điểm dạy học trong mỗi chuyên đề, đóng vai trò định hướng cho người dạy, người biên soạn tài liệu và các đối tượng liên quan trong việc lựa chọn chủ đề xây dựng bài học để triển khai trên lớp, tài liệu phục vụ

		dạy và học...
6	Đánh giá thường xuyên	<i>Đánh giá thường xuyên</i> là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh; xác nhận kết quả đạt được của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.
7	Đánh giá định kỳ	<i>Đánh giá định kỳ</i> là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của học sinh.

2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Hàn được thực hiện với đối tượng là học sinh các lớp chuyên Tiếng Hàn tại các trường trung học phổ thông theo kế hoạch dạy học được xây dựng theo quy định, phù hợp đặc thù riêng của môn học, bảo đảm tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Thực hiện song song với Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành để đảm bảo tính liên thông, nhất quán trong các chủ đề và khối kiến thức ngôn ngữ, văn hóa.
- Đảm bảo tính khả thi trong kế hoạch giáo dục chung của các trường.
- Tổ chức thực hiện chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện, kế hoạch giáo dục chung của Nhà trường và học sinh.

Tổng thời lượng cho nội dung chương trình chuẩn và các chuyên đề môn tiếng Hàn là **525 tiết** đã bao gồm số tiết được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Trong đó có 315 tiết cho chương trình chuẩn và **210 tiết** cho nội dung các chuyên đề chuyên sâu bao gồm cả số tiết ôn tập, kiểm tra đánh giá. Thời lượng cho mỗi khối lớp được cân đối như sau:

- Lớp 10: **175 tiết**. Trong đó, **175 tiết** theo chương trình chuẩn
- Lớp 11: **175 tiết**. Trong đó, **140 tiết học** theo chương trình chuẩn, **35 tiết** dành cho các chuyên đề chuyên sâu.

-Lớp 12: 175 tiết. Trong đó 175 tiết tập trung cho các chuyên đề chuyên sâu

Thời lượng học tập có thể điều chỉnh và áp dụng linh hoạt giữa các phân lớp tùy vào thực tế dạy học trên cơ sở đảm bảo tổng số tiết tối đa của toàn bộ chương trình. Việc phân tiết học cho chương trình chuẩn áp dụng theo quy định chung của Bộ GDĐT.

Các trường có thể phân tiết dựa vào đối tượng học sinh, điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường.

Học liệu gợi ý:

1) 서울대 한국어 3 권~5 권, 서울대학교 언어교육원 (2015)

(Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Seoul quyển 3 ~ quyển 5, Viện Giáo dục Ngôn ngữ - trường Đại học Seoul).

2) 연세한국어 3 권~5 권, 연세대학교한국어학당, 연세대학교출판부 (2021)

(Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Yonsei quyển 3 ~ quyển 5, Trung tâm tiếng Hàn trường Đại học Yonsei, NXB trường Đại học Yonsei).

3) 이화 한국어 3 권~5 권, 이화여자대학교 언어교육원 (2012)

(Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Ewha quyển 3 ~ quyển 5, Viện Giáo dục Ngôn ngữ - trường Đại học Ewha).

4) Alison Lester (2023). Kỹ năng thuyết trình hiệu quả. Dương Nhã Vân (dịch). NXB Thế giới.

5) 연세 토픽 II: 읽기, 듣기, 쓰기, 연세대학교 대학출판문화원 (2016)

(Giáo trình Yonsei TOPIK II, kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Viện Văn hóa Xuất bản Đại học, Trường Đại học Yonsei)